

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**BÀN VỀ CHIẾT TỰ CHỮ HÁN
TRONG CÂU ĐỐ TIẾNG VIỆT**
NGUYỄN THUYỀN LINH* - NGUYỄN THỊ VĨNH BÌNH -
TRẦN THỊ NGỌC MAI*** - TRẦN THU TRANG**** -
TRẦN THỊ LỆ DUNG*******

TÓM TẮT: Chữ Hán là hệ thống kí hiệu ghi chép của dân tộc Trung Hoa, được hình thành và phát triển qua hàng ngàn năm lịch sử, mang đậm tính chất biểu ý. Hệ thống chữ Hán là sự hòa quyện của hình thể, ngữ âm và ý nghĩa, hay gọi tắt là hình-âm-nghĩa. Dựa trên cơ sở đó, người Việt đã khéo léo sáng tạo ra hình thức chiết tự. Chiết tự được sử dụng để phân tách chữ Hán ra thành nhiều bộ phận một cách logic, hỗ trợ người học trong việc tiếp thu và ghi nhớ chữ Hán. Đồng thời, nó phát huy tối đa được đặc điểm cấu trúc hình-âm-nghĩa. Chiết tự xuất hiện khắp nơi trong kho tàng văn học của nước Việt, phổ biến hơn cả là trong câu đố. Chính vì vậy, trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả nghiên cứu về cách chữ Hán được chiết tự trong kho tàng câu đố tiếng Việt, thông qua đó giới thiệu một phương pháp độc đáo trong việc học chữ Hán mà ông cha ta đã đúc kết và tích lũy qua hàng nghìn năm lịch sử.

TỪ KHÓA: phân tích; chiết tự; chữ Hán; câu đố; tiếng Việt.

NHẬN BÀI: 24/08/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/11/2023

1. Đặt vấn đề

Chữ Hán là ngôn ngữ biểu ý. Không giống các hệ thống ngôn ngữ Latin mang tính biểu âm, chữ Hán khó đọc và khó ghi nhớ. Chính vì vậy, làm thế nào để có thể học tập và ghi nhớ chữ Hán từ lâu đã trở thành một bài toán giữa người dạy chữ và người học chữ. Để giải quyết bài toán khó đó, ông cha ta, với sự tài tình của mình đã “bẻ gãy” chữ Hán ra thành nhiều phần nhỏ, rồi lồng ghép nó vào trong các câu đố dân gian, rồi truyền lại cho con cháu từ thế hệ này qua thế hệ khác, tạo thành một nét văn hóa đặc sắc của người Việt trong việc học chữ Hán. Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của đất nước Trung Quốc, tiếng Trung Quốc trở thành một ngoại ngữ “hot” hơn bao giờ hết và phương pháp học chữ Hán lại được đưa ra thảo luận sôi nổi. Do đó, nhóm tác giả đã lựa chọn nghiên cứu về một cách thức học tập và ghi nhớ chữ Hán của ông cha ta, chiết tự trong câu đố tiếng Việt. Những tài liệu, dẫn chứng phục vụ nghiên cứu này được thu thập từ quyển “Tinh hoa văn học dân gian người Việt” và quyển “Nhớ Hán tự thông qua chiết tự chữ Hán”. Mục đích của nghiên cứu hướng đến việc giới thiệu một cách thức ghi nhớ và tiếp thu từ vựng và chữ viết trong quá trình dạy và học chữ Hán; đồng thời đề cao giá trị văn học dân gian Việt Nam thông qua phân tích chiết tự chữ Hán trong câu đố tiếng Việt.

2. Chữ Hán, Chiết tự và Chiết tự chữ Hán trong câu đố tiếng Việt

Chữ Hán, còn gọi là Hán Tự - hệ chữ chính dùng để viết của người Trung Quốc. Tác giả Phạm Văn Khoái (2001) nhận định: “Chữ Hán là một nền văn tự cấu tạo theo lối chữ vuông, được sáng tạo vào loại sớm nhất trên thế giới. Lúc đầu nó là chữ viết riêng của người Hán, nhưng dần dần nó đã được phổ biến lan ra toàn vùng Đông và Đông Nam Á, lưu lại một ảnh hưởng hết sức sâu đậm, ở Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản cũng như ở nhiều vùng dân tộc ít người khác”. Ông cũng cho rằng:

Trường Đại học Mở Hà Nội:

* Email: thuylinhtq@hou.edu.vn; ** Email: ntvbinh@hou.edu.vn;

*** Email: maittn3108@hou.edu.vn; **** Email: thutrang126@hou.edu.vn

***** TS; Email: tranledung1975@gmail.com

“Chữ Hán thường được xem là văn tự Ý - ÂM, có hình khối vuông ghi tiếng Hán. Nó không chỉ sử dụng ở Trung Quốc mà còn ở nhiều nơi ngoài Trung Quốc. Chữ Hán được du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc và phổ biến nhất từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XX...” [tr.9]. Nguyễn Tài Cẩn (2000) đưa ra khái niệm cụ thể hơn về chữ Hán: *“Chữ Hán vốn là một nền văn tự do người Hán sáng tạo ra cách đây khoảng 3000 năm, khi người Hán đang còn đóng khung địa bàn cư trú của mình trong vùng đất thuộc lưu vực sông Hoàng Hà và sông Vị”* [tr.16].

Chữ Hán được tiếp cận theo nhiều cách thức khi được du nhập vào nước ta. Một trong những cách truyền thống được nhắc đến khá nhiều đó là Chiết tự. Chiết tự được ra đời với mục đích giúp cho người học học chữ Hán nhanh hơn và ghi nhớ tốt hơn thông qua việc “bóc tách” hình thể của chữ Hán thành các bộ phận khác nhau. Để hiểu rõ hơn về nó, chúng ta cùng điểm lại những khái niệm về chiết tự được các học giả đưa ra. Theo “Từ điển tiếng Việt” (Hoàng Phê chủ biên, 2003) chiết tự (động từ) được thích nghĩa theo hai cách: (a) Một là “phân tích nét chữ ra từng yếu tố, căn cứ vào nghĩa của các yếu tố mà đoán việc lành dữ, theo một thuật bói toán ngày xưa”; (b) Hai là “dựa theo nghĩa của các yếu tố cấu thành mà xác định nghĩa của cả chữ hoặc của cả từ”. Trong cuốn “Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch”, Phạm Văn Khoái cho rằng, chiết tự là “bẻ chữ - đoán nghĩa trên cơ sở nhìn nhận kết cấu và hình dáng một số chữ”. [tr.36]. Theo nhận định của Lê Trung Hoa - Hồ Lê (2020): *“Chiết tự là tách các yếu tố tạo thành chữ trong chữ quốc ngữ hoặc thành chữ Hán. Chiết tự được vận dụng trong câu đối, câu đối, câu thơ”*. [tr.269]. Nguyễn Thị Hương (2002) nghiên cứu và cho biết chiết tự này sinh trên cơ sở nhận thức về hình thể của chữ Hán, cách ghép và sắp xếp các bộ, các phần của chữ Hán. [tr.77-82].

Như vậy, chiết tự hay chiết tự trong chữ Hán là bẻ gãy chữ hay phân tích chữ Hán thành các phần, bộ phận khác nhau. Chiết tự đã vận dụng sáng tạo các hình ảnh mang tính chất liên tưởng khi phân tích hình thể, ngữ âm và nghĩa của chữ. Từ đó, tích lũy cho chiết tự một kho tàng phong phú, đa dạng cho mình không chỉ ở hình thức, chủng loại, và còn nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Để phục vụ mục đích lưu truyền và ghi nhớ trong cộng đồng, chiết tự thường được lồng ghép đưa vào thơ ca, văn vần, câu đối lời cuốn, thu hút người học chữ Hán. .

Đối với người Việt, trong quá trình học và ghi nhớ chữ Hán, người Việt đã sử dụng chiết tự trong một số thể loại văn học dân gian Việt Nam như câu đối, câu đối hay giai thoại... để thử tài chữ nghĩa, thử tài suy đoán của nhau. Hình thức này không những thể hiện được văn hóa dân gian của chiết tự mà còn được người học rất ưa chuộng, trở thành một công cụ tạo nên sự hứng thú cuốn hút đối với người học. Chính vì vậy, chiết tự dần dần trở thành một phần không thể thiếu trong Hán học, ăn sâu vào trong thói quen của người học chữ Hán.

2. Đặc điểm chiết tự chữ Hán trong câu đối Tiếng Việt

Dựa trên cơ sở hình - âm - nghĩa của chữ Hán, chiết tự trong câu đối tiếng Việt được thể hiện dưới 3 hình thức: một là, chiết tự về hình thể, hai là chiết tự về âm đọc, ba là chiết tự về ý nghĩa. Về mặt hình thể (hình), chiết tự phân tách chữ Hán thành các bộ phận khác nhau tạo thành chữ. Về mặt ngữ âm (âm), chiết tự được hình thành từ những kiến thức về ngữ âm học như phiên thiết hay nói lái. Về mặt ý nghĩa (nghĩa), chiết tự được xây dựng dựa trên tính chất biểu ý của chữ Hán. Điều này tạo nên nét riêng độc đáo so với chiết tự ở những hệ thống văn tự khác. Để làm rõ vấn đề này, tác giả dựa vào 50 câu đối tiếng Việt để tiến hành phân tích cụ thể hơn.

2.1. Chiết tự về hình thể trong câu đối Tiếng Việt

Chữ Hán được ghép bởi các bộ, các nét theo nhiều dạng cấu trúc như cấu trúc trên dưới, cấu trúc trái phải, cấu trúc trái - giữa - phải, cấu trúc trên - giữa - dưới,... Dựa vào cấu trúc về mặt hình thể đó của chữ Hán, chiết tự phân tích chữ Hán ra các bộ phận cấu thành của chữ. Thông qua nội dung câu

đồ tiếng Việt, chúng ta sẽ càng thấy rõ hơn việc sử dụng chiết tự về mặt hình thể để suy luận ra chữ Hán.

Có thể nói, yêu cầu đầu tiên đối với người học chữ Hán luôn là ghi nhớ và nhận biết hình của chữ. Chính vì thế mà phương pháp chiết tự về mặt hình thể chữ phong phú hơn phương pháp chiết tự về mặt âm cũng như chiết tự về mặt nghĩa.

Cô kia đội nón chờ ai/ Hay cô yên phận đứng hoài thế cô.

(Chữ An 安)

Giải thích: chữ an 安 có cấu trúc trên dưới trong đó gồm bộ Nữ 女 “cô kia” ở dưới và bộ Miên 宀 trong “đội nón” ở trên.

Chim chích mà đậu cành tre/ Thập trên, tứ dưới, nhất đề chữ tâm.

(Chữ Đức 德)

Giải thích: chữ Đức 德 có cấu trúc cơ bản trái - phải, trong đó bên trái là bộ Xích, giống chân chim chích đang đậu cành tre; bên phải được tạo thành với cấu trúc trên - giữa - dưới gồm có bộ Thập 十 nằm trên cùng “Thập trên”, đến bộ Tứ “Tứ dưới”, rồi bộ Nhất “Nhất đề” và nằm dưới cùng là bộ Tâm.

Đất cứng mà cắm sào sâu/ Con lay chẳng nổi, cha bâu đầu vào.

(Chữ Giáo 教)

Giải thích: chữ 教 có 2 phần bên trái và bên phải. Bên trái gồm chữ Hào 交 có thể hình dung là các que tính, phía dưới là chữ Tử 子 - chỉ đứa trẻ; phần bên phải là chữ Phộc 攴 tượng hình bàn tay cầm roi, gậy (sau viết thành 攴). Ghép lại thành 教 chỉ người thầy cầm roi "dạy" cho trẻ con học.

Đất thì là đất bùn ao/ Ai cắm cây sào sao lại chẳng ngay

Con ai mà đứng ở đây/ Đứng thì chẳng đứng, vịn ngay cây sào.

(Chữ Hiếu 孝)

Giải thích: chữ Hiếu 孝 có cấu trúc trên dưới: gồm có bộ Thổ (土) nằm ở trên trong “đất thì là đất bùn ao”; bộ Tử (子) chỉ đứa trẻ được viết ở dưới bộ Thổ, nét phẩy được đi xuyên hai bộ được ví von như “cây sào cắm nghiêng” trong câu thơ thứ 2; hình ảnh bộ Tử đứng liền với nét phẩy khơi gợi hình ảnh “con ai mà đứng ở đây, đứng thì chẳng đứng, vịn ngay cây sào”.

Hai người đứng giữa một cây/ Tao chẳng thấy mây, mây chẳng thấy tao.

(Chữ Lai 来)

Giải thích: câu đố thể lục bát trên miêu tả chữ Lai (đến, tới) ở dạng phồn thể. Nó mang cấu trúc đối xứng, gồm hai bộ Nhân chỉ người(人) đứng giữa là bộ Mộc chỉ cây cối (木). Sau này, sau khi phát triển bộ chữ giản thể, bộ Nhân trong chữ Lai được tinh gọn hóa bằng hai nét chấm ở hai bên.

Thương em anh mới nên duyên/ Sợ em lại có chữ thiên trời đầu.

(Chữ Phu 夫)

Giải thích: chữ Phu 夫 nếu nét phẩy không nhô cao lên trên chính là chữ Thiên (天) chỉ trời. Chính vì vậy chúng ta có hình ảnh “chữ thiên trời đầu”. Câu thơ này còn có ý nghĩa là yêu thương một cô gái, muốn nên duyên với cô ấy nhưng sợ cô ấy là gái đã có chồng.

Ruộng kia ai cật lên cao/Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời.

(Chữ Tư 思)

Giải thích: chữ Tư 思 trong tương tư, chỉ sợ nhớ nhung gồm hai bộ được viết với cấu trúc trên dưới. Một là bộ Điền (田) ở phía trên trong câu thơ “Ruộng kia ai cật lên cao”; hai là bộ Tâm (心) viết ở dưới được liên tưởng trong hình ảnh “nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời”.

Trọc đầu mà được làm vương/ Còn đầu làm chúa, ai đương được nào

(Chữ Chủ; Chúa 主)

Giải thích: Chữ Chủ được tạo thành bởi chữ Vương (王) và nét (丶) nằm phía trên. Vì vậy, có thể thấy được hình ảnh ví von “Trọc đầu mà được làm vương” chỉ chữ Vương nhưng nếu thêm nét phẩy với hình ảnh “Còn đầu” thì sẽ thành chữ Chủ (Chúa).

2.2. Chiết tự về ý nghĩa trong câu đố tiếng Việt

Chữ Hán là hệ thống kí hiệu ghi chép của người Hán được hình thành và phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử. Là hệ thống chữ tượng hình mang trong mình bề dày lịch sử, chữ Hán mang đậm trong mình tính biểu ý. Và chiết tự dựa vào đặc điểm đó trong việc phân tích chữ Hán. Chiết tự về mặt ý nghĩa xuất hiện phong phú và đa dạng không kém so với chiết tự về mặt hình thể, đóng vai trò quan trọng trong vấn đề phân tích Hán tự.

Đất sao khéo ở trong cung/ Ruộng thời hai mẫu, bờ chung ba bờ.

(Chữ Cương 疆)

Giải thích: Chữ Cương chỉ ranh giới, biên giới của đất đai. Vì vậy, câu đố đã miêu tả khéo léo nó thông qua câu thơ “Câu Đất sao khéo ở trong cung”, câu thơ đồng thời cũng chỉ chữ thổ 土 (đất) + cung (弓). Ruộng thời hai mẫu, bờ chung ba bờ là chữ điền 田(ruộng) (hai chữ điền = hai mẫu) + 三 (ba vạch ngang = ba bờ) thành cương 疆.

Thiếp là con gái còn son/ Nếp hằng giữ vẹn ngặt con dựa kề.

(Chữ Hào 好)

Giải thích: Bộ Nữ 女 nói về con gái, phụ nữ và bộ Tử 子 nói về người con, con trai. Người xưa quan niệm, tốt đẹp là khi người con gái biết giữ gìn trước khi lấy chồng, và sinh con sau khi lấy chồng.

Thân em là gái nửa chừng/ Không rằng có miệng xin đừng đắn đo.

(Chữ Như 如)

Giải thích: Chữ 如 được ghép bởi bộ 女 và bộ 口. Bộ 口 tượng trưng cho mệnh lệnh của chủ nhân, bộ 女 lại biểu trưng cho một người nô tì hay đầy tớ. Tính chất hội ý của 如 chỉ người đầy tớ làm theo mệnh lệnh của chủ nhân một cách vô điều kiện, mang nghĩa “phục tùng”.

Hỡi anh cấp sách đi thi/ Ba xe chấp lại chữ gì hỡi anh.

(Chữ Oanh 轰)

Giải thích: Chữ 轰 có 3 cái xe 车 đi trên đường thì rất là ồn ào. Diễn tả âm thanh oang oang, ầm ầm.

Lầu xanh mới rủ trượng đào/ Thực lòng mình cũng nao nao lòng người.

(Chữ Thanh 情)

Giải thích: Chữ Tình 情 chỉ tình cảm, tình yêu, được kết hợp bởi bộ Tâm đứng 忄 + chữ Thanh 青. Nơi nào có trăng thanh gió mát 青 nơi đó sẽ khiến lòng người 忄 nổi sóng trào dâng, tức cảnh sinh ra tình cảm 情.

2.3. Chiết tự về âm đọc trong câu đố tiếng Việt

Chiết tự về âm vận dụng hình thức nói lái hay phiên thiết để phân tích chữ Hán, được sử dụng trong việc chú thích âm đọc trong sách giáo khoa, từ điển. Theo nghiên cứu, tác giả thấy so với chiết tự về hình và về ý, chiết tự về âm xuất hiện với tần suất ít hơn. Thường thường, chiết tự về âm đọc sẽ không xuất hiện riêng lẻ mà sẽ xuất hiện cùng chiết tự về hình hoặc chiết tự về ý.

Con gái mà đứng éo le/ Chồng con chưa có kè kè mang thai

(Chữ 始)

Giải thích: chữ Thủy (始) theo như câu đố được tạo thành bởi 2 bộ phận. Một là “con gái” bộ Nữ (女), hai là chữ Đài (台) được miêu tả bằng qua âm đọc bởi là “Thái” trong “kè kè mang thai”.

3. Kết luận

Từ những ví dụ trên, chúng ta đã thấy được cách chiết tự thể hiện trong các câu đố tiếng Việt. Nhờ vào việc phân tích chữ Hán thành có bộ phận nhỏ thông qua những câu thơ mang tính liên tưởng cao, các câu đố chữ Hán không chỉ giúp người giải đố tưởng tượng lại những chữ mình đã học một cách sáng tạo mà còn giúp họ ghi nhớ chữ Hán thông qua những câu đố ở dạng thơ lục bát dân gian quen thuộc và dễ truyền miệng. Các câu đố chiết tự trong tiếng Việt cũng đóng vai trò như bài kiểm tra hàng ngày vì người học, người dạy có thể ra đề và giải đố bất cứ khi nào, bất cứ nơi đâu.

Chiết tự trong câu đố tiếng Việt được kể một cách vô cùng sáng tạo bằng những hình ảnh liên tưởng, những câu từ nhân hóa, ẩn dụ, so sánh... của ông cha ta. Nó biến những bộ chữ, những nét chữ Hán tưởng chừng như cứng nhắc, vô hồn trở nên sống động và đầy sắc màu.

Nói tóm lại, thông qua phân tích những ưu điểm của chiết tự, một lần nữa chúng ta có thể tự hào là chiết tự là tinh hoa sáng tạo của người Việt trong quá trình học và ghi nhớ chữ Hán. Đồng thời, chiết tự khi thể hiện dưới hình thức câu đố sẽ khơi dậy trí tò mò, tạo hứng thú cho người học trong việc ghi nhớ và nắm bắt chữ Hán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Khoái (1998), *Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch*, Nxb Đại học Quốc gia.
2. Nguyễn Tài Cẩn (2000), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, Nxb Đại học Quốc gia.
3. Phạm Văn Khoái (2001), *Một số vấn đề chữ Hán thế kỉ XX*, Nxb Đại học Quốc gia.
4. NHT Team (2022), *Nhớ Hán tự thông qua chiết tự chữ Hán*, Nxb Thanh niên.
5. Hoàng Phê chủ biên (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
6. Viện nghiên cứu văn hóa (2009), *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
7. Lê Trung Hoa - Hồ Lê (2020), *Thú chơi chữ*, Nxb Khoa học xã hội.
8. Nguyễn Thị Hương (2002), "Chiết tự - Một phương pháp học, nhớ chữ Hán độc đáo của người Việt". Tạp chí *Hán Nôm* số 5.

A discussion on Chinese characters in Vietnamese puzzles

Abstract: Chinese characters are the Chinese nation's notation system, formed and developed over thousands of years in history, with strong symbolic features. The Chinese character system is a blend of form, phonetics and meaning, or called form-sound-meaning for short. Based on that basis, Vietnamese people have cleverly created a form of word extraction. Character extraction is used to logically separate Chinese characters into many parts, supporting learners in absorbing and remembering Chinese letters. At the same time, it maximizes the characteristics of form-sound-meaning structure. Characters appear everywhere in Vietnamese literary treasures, most commonly in puzzles. Therefore, within the framework of this article, the authors research how Chinese characters are extracted in the Vietnamese puzzle treasure, thereby introducing a unique method of learning Chinese characters our ancestors used that has been summarized and accumulated over thousands of historical years.

Key words: analysis; character extraction; Chinese characters; puzzles; Vietnamese.